

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 01 /2026/VBHN-QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước
trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh
sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang¹;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

¹ Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 216/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang;"

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành²

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026 và bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ số thứ tự 19 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

² Điều 3 của Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh.
- Ủy ban nhân dân xã, phường.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh với các nội dung, phạm vi thuộc lĩnh vực quản lý của mình, tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan nhà nước cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Cơ quan quản lý nhà nước* là cơ quan quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 2 Quy chế này.

Điều 4. Mục tiêu phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại tỉnh Tuyên Quang theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Việc xử lý các trường hợp vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực phải được trao đổi, thống nhất giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đảm bảo phù hợp, đúng quy định.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Điều 6. Nội dung phối hợp

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

5. Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Chương II

PHỐI HỢP TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 7. Nội dung thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh³

1. Nội dung thông tin doanh nghiệp

a) Thông tin được cung cấp công khai: Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;

b) Thông tin được cung cấp, chia sẻ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

2. Nội dung thông tin hộ kinh doanh

a) Thông tin được công khai: Thông tin đăng ký hộ kinh doanh được cung cấp miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 116 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;

b) Thông tin được cung cấp, chia sẻ: Thông tin tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh; thông tin về tình hình nộp thuế trong hồ sơ khai thuế; thông tin về tình hình xuất, nhập khẩu trong hồ sơ hải quan; thông tin về xử lý hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận, quyết định và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về hộ kinh doanh, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 8. Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh⁴

1. Việc công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 74 và Điều 116 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

2. Việc phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

a) Sở Tài chính là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan quản lý nhà nước có thể yêu cầu Sở Tài chính cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp giữa Sở Tài chính với các cơ quan quản lý nhà nước khác được quy định tại Điều 12 Quy chế này và thực hiện theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp thông tin hộ kinh doanh trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh. Hình thức phương tiện, trao đổi, cung cấp thông tin hộ kinh doanh giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với các cơ quan quản lý nhà nước khác được quy định tại Điều 12 Quy chế này;

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

c) Các cơ quan chức năng căn cứ nhiệm vụ theo thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

Điều 9. Phối hợp trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh⁵

1. Việc công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

2. Trao đổi, cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia với thông tin do cơ quan quản lý thuế cung cấp về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động quá 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh tiến hành gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp báo cáo, ban hành thông báo vi phạm đến doanh nghiệp yêu cầu giải trình để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định; cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh thuộc địa bàn quản lý trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp hộ kinh doanh ngừng hoạt động tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế quản lý trực tiếp, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện quy trình thu hồi theo quy định; cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh lên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký Hộ kinh doanh.

c) Cơ quan Thuế phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng cấp mã số thuế cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh; rà soát tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đang hoạt động, doanh nghiệp, hộ kinh doanh bị đóng mã số thuế do không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh được xử lý khôi phục mã số thuế do đã đề nghị hoạt động kinh doanh trở lại để các cơ quan này theo dõi và xử lý theo quy định.

Điều 10. Phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh⁶

1. Các cơ quan quản lý nhà nước chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong phạm vi chức năng quản lý được phân công theo quy định; mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh có một mã số doanh nghiệp duy nhất tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp và không được sử dụng lại sau khi chấm dứt. Cơ quan quản lý nhà nước sử dụng mã số doanh nghiệp từ Sở Tài chính cung cấp để thuận lợi việc kết nối dữ liệu từ các cơ quan liên quan.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý, cụ thể:

a) Sở Tài chính cung cấp thông tin về tình hình thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thông tin về các dự án đầu tư đã thông báo chấm dứt hoạt động, bị chấm dứt hoạt động, bị thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các thông tin cần thiết khác phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh phối hợp, cung cấp về tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin các doanh nghiệp có dự án đầu tư trong khu công nghiệp và khu kinh tế đã thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, doanh nghiệp bị thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, để các cơ quan quản lý nhà nước theo dõi và xử lý theo quy định;

c) Cơ quan Thuế cung cấp thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo báo cáo tài chính;

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp thông tin về tình hình thuê đất, chấp hành pháp luật về đất đai của doanh nghiệp, hộ kinh doanh từ Sở Nông nghiệp và Môi trường;

đ) Sở Nội vụ cung cấp thông tin tình hình quản lý và sử dụng lao động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh từ Sở Nội vụ;

e) Sở Công Thương và Hải quan Tuyên Quang cung cấp thông tin xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

f) Bảo hiểm xã hội tỉnh cung cấp thông tin về đăng ký bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

g) Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin về hoạt động công nghệ, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

Điều 11. Phối hợp trong việc trao đổi, cung cấp thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật⁷

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh là đầu mối cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Cơ quan Thuế cung cấp thông tin doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Cục Thuế.

3. Cơ quan quản lý nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm cung cấp thông tin doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật chuyên ngành có liên quan thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

Điều 12. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1.⁸ Việc trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh giữa các cơ quan quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 2 Quy chế này thực hiện bằng hình thức gửi văn bản bằng bản giấy hoặc qua mạng điện tử. Khuyến khích các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh qua mạng điện tử.

2. Cơ quan quy định tại khoản 2, Điều 2 Quy chế này thực hiện việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định về hình thức, phương tiện của cơ quan quản lý nhà nước Trung ương.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, THEO DÕI TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH; XỬ LÝ VI PHẠM VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ CÁC VI PHẠM KHÁC

Điều 13. Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh rà soát, xây dựng, đưa nội dung thanh tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vào kế hoạch thanh tra hằng năm trên cơ sở căn cứ vào định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực và địa phương và đề nghị của các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều 2 Quy chế này trong trường hợp vụ việc có nội dung phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc khi cần thiết.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã khi xây dựng dự thảo kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo chuyên ngành phải gửi Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo chuyên ngành với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp, rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Thông báo bằng văn

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

bản tới cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh chuyên ngành khi kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có phạm vi, đối tượng chồng chéo, trùng lặp với kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

Điều 14. Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh theo kế hoạch đã được ban hành. Trường hợp cần thiết đề nghị Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cử người có chuyên môn phù hợp tham gia Đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh. Kết quả thanh tra phải được gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước phối hợp tham gia. Hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

b) Kết luận của đoàn kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh liên ngành phải được gửi cho tất cả các cơ quan tham gia. Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Người ra quyết định kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh ra quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đơn đốc việc thực hiện kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan quản lý nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hộ kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại địa bàn quản lý;

b) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh nghi là giả mạo; trả lời bằng văn bản về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; xử lý theo thẩm quyền đối với những trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Thuế tỉnh phối hợp xác minh về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; việc chấp hành quy định về quản lý thuế;

d) Cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền;

đ) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời về kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh;

e) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

Điều 16. Phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác, các cơ quan quản lý nhà nước quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm

thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (đối với doanh nghiệp) hoặc cấp xã (đối với hộ kinh doanh) trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi,⁹ đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, hoạt động, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; Thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đã chấp hành xong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

3. Khi nhận được thông báo của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 3 ngày cơ quan đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo phòng chuyên môn theo dõi doanh nghiệp, hộ kinh doanh chấp hành quyết định xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước và chấp hành yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của cơ quan đăng ký kinh doanh.

5. Trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng quản lý ngành để xử lý theo quy định.

6. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp doanh nghiệp, hộ kinh doanh cùng phối hợp và xử lý theo quy định pháp luật về thuế đối với các nội dung quy định tại Điều này.

Đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trụ sở hoạt động trong Khu Công nghiệp, khu kinh tế, Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp các đơn vị đó tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh thông báo cho cơ quan chức năng quản lý ngành để xử lý theo quy định.

⁹ Từ “rút,” được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

Chương IV
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI
DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung, trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nội dung báo cáo gồm:

a) Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

b) Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo các nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế này trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

3. Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trước ngày 31 tháng 12 hàng năm./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Vụ PC, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDLQGVPL);
- Cổng thông tin điện tử;
- TT TT-HN tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu VT, KTN *hbz*

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Tuyên Quang, ngày 26 tháng 8 năm 2026
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



[Signature]
Phan Huy Ngọc